

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 528/2024/DS-PT  
Ngày 30 – 12– 2024  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Lập

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trung Biền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 420/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 158/2024/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 325/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:*

1. Bà Phạm Chí L, sinh năm 1973 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy của bà Phạm Chí L:* Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Thôn A, xã E, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: Số I, đường B, khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố H.

2. Bà Phạm Xuân E, sinh năm 1973;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh C.

3. Ông Phạm Minh K, sinh năm 1960 ;

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh C.

4. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1964;

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh C.

5. Bà Phạm Thị Minh T, sinh năm 1956;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

6. Ông Phạm Chí N1, sinh năm 1969;

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh V.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Phạm Chí N1, ông Phạm Minh K, bà Phạm Thị N, bà Phạm Xuân E, bà Phạm Thị Minh T : Bà Phạm Chí L (là nguyên đơn trong vụ án) ( có mặt).*

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1948;

2. Bà Ca Thị S, sinh năm 1952

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L1 và bà Ca Thị S: Ông Hồ Văn K1, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Khóm H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (Có mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Chí N1, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh V.

2. Ông Nguyễn Văn H1 (Vắng mặt);

3. Ông Trương Thị L2 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

4. Ông Nguyễn Minh T1 (Vắng mặt);

5. Ông Nguyễn Thị P (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ I, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh B.

6. Bà Dương Thị T2, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Chí L, là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo bà Phạm Chí L trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Phạm Hoàng L3 (là cha bà L) được cha mẹ tặng cho, năm 1993 ông L3 được cấp quyền sử dụng đất. Sau đó, ông L3 tặng cho bà Phạm Chí L diện tích 10.500 m<sup>2</sup>, tặng cho ông Phạm Chí N1 diện tích 10.500 m<sup>2</sup>, diện tích đất còn lại của ông L3 được cấp quyền sử dụng 20.500 m<sup>2</sup>. Trước năm 1993, thì tổng diện tích đất này ông L3 cho ông N1 mượn canh tác, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vẫn cho ông N1 mượn đất canh tác. Bà L và ông N1 thỏa thuận đổi vị trí đất với nhau nhưng không làm thủ tục đổi đất. Năm 2018, bà L phát hiện phần đất của bà và của ông L3, ông Nguyễn Minh T1 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L1 và bà Ca Thị S diện tích khoảng 5.508 m<sup>2</sup>. Phần đất này bà L cho ông N1 mượn để có cho ông T1, nhưng ông T1 lại chuyển nhượng cho ông L1, ông L1 đã cất nhà trên phần đất tranh chấp. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N1 và bà T3 với ông T1 và bà P, giữa ông T1 và bà P với ông L1 và bà S là vô hiệu; Buộc ông Nguyễn Văn L1 và bà Ca Thị S di dời nhà trả lại diện tích khoảng 5.508 m<sup>2</sup> cho bà L, đất tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Theo ông Hồ Văn K1 trình bày:*

Ngày 25/4/1996, ông Phạm Chí N1 và bà Dương Thị T3 có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị P phần đất diện tích 04 công tằm lớn, với giá 16 chỉ vàng 24k, ông T1 và bà P đã giao đủ 16 chỉ vàng 24k cho ông N1. Khi chuyển nhượng có làm hợp đồng bằng văn bản, phần đất này do ông L3 đứng tên quyền sử dụng đất, nhưng ông L3 đã tặng cho ông N1, ông N1 chuyển nhượng cho ông T1 được sự đồng ý của ông L3, ông L3 có ký tên giấy sang nhượng đất; ông N1, bà T3 có ký tên, có đại diện chính quyền ấp là ông Nghệ Minh H2 ký tên và có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P.

Đến ngày 11/8/1998 âm lịch, ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị P chuyển nhượng lại phần đất này cho ông Nguyễn Văn L1 và bà Ca Thị S, theo đo đạc là 4 công 01 gôc tư, với giá 25 chỉ vàng 24k, ông L1 và bà S đã giao đủ vàng cho ông T1 và bà P1. Việc chuyển nhượng có lập thành văn bản và có xác nhận của ông Đặng Hoàng S1 phó ban nhân dân ấp và có người chứng kiến. Sau khi sang nhượng đất, ông L1 bà S trực tiếp canh tác phần đất nhận chuyển nhượng, ông L1 có đưa cơ giới vào san lấp, trồng cây lâu năm và cất nhà ở ổn định không tranh chấp. Việc chuyển nhượng đất là đúng quy định của pháp luật nên không đồng ý di dời nhà trả lại diện tích theo đo đạc thực tế 4.284,7m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Theo ông Phạm Chí N1 trình bày:

Ông N1 thừa nhận ngày 25/4/1996 ông N1 có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị P phần đất diện tích 04 công tằm lớn, với số vàng 16 chỉ vàng 24k; ông T1 và bà P đã giao đủ 16 chỉ vàng 24k cho ông N1. Ông N1, ông L3, bà T3 có ký tên vào giấy sang nhượng và có giao cho ông T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Chí N1, nhưng thực tế là cầm cố sau này cho chuộc lại, do ông T1 kêu làm giấy sang nhượng nên ông N1 cũng đồng ý làm giấy sang nhượng. Ông T1 sang đất lại cho ông L1, ông N1 không hay biết.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 158/2024/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Chí L, ông Phạm Chí N1, ông Phạm Minh K, bà Phạm Thị N, bà Phạm Xuân E, bà Phạm Thị Minh T về việc yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N1 và bà T3 với ông T1 và bà P, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T1 và bà P với ông L1 và bà S; buộc ông Nguyễn Văn L1, bà Ca Thị S, ông Nguyễn Văn H1, bà Trương Thị L2 dỡ di dời nhà, công trình, cây trồng, hoa màu trên đất để trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 4.284,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/08/2024, bà Phạm Chí L có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà Phạm Chí L yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Thế H phát biểu: Hiện nay ông L4 là chồng bà L đang quản lý sử dụng đất với bà L, nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông L4 tham gia tố tụng trong vụ án; ông N1 lấy phần đất ông L3 đứng tên chuyển nhượng cho người khác là không đúng. Trong phần đất ông L3 đứng tên có phần di sản thừa kế của mẹ bà L nhưng chưa được xem xét. Việc ông T1 và bà P chuyển nhượng đất cho ông L1, bà S là chưa đủ căn cứ; ông T1 và bà P chưa trả đủ số vàng chuyển nhượng đất cho ông N1, nên hợp đồng chuyển nhượng chưa hoàn thành; những người ký tên làm chứng trong giấy chuyển nhượng là giả mạo, khi chuyển nhượng không có ông L3. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bà L phát biểu: Ông N1 có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 giữ, ông T1 đưa lại cho ông L1, ông L1 đưa cho ông T4 để ông Trung C tên cho người khác.

Ông Hồ Văn K1 phát biểu: Ông L4 (chồng bà L) không có liên quan đến phần đất tranh chấp, nên cấp sơ thẩm không đưa ông L4 tham gia tố tụng trong vụ án là có căn cứ. Đất do ông L3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giả sử phần đất là tài sản chung của vợ chồng ông L3 thì ông L3 cũng có quyền định đoạt ½ tài sản thuộc quyền tài sản của ông L3. Khi ông N1 chuyển nhượng đất cho ông T1 và bà P thì những người thừa kế của ông L3 không ai có ý kiến gì; ông T1 và bà P đã trả đủ số vàng chuyển nhượng đất cho ông N1. Sau đó ông T1 và bà P chuyển nhượng lại cho ông L1 và bà S; ông L1 và bà S đã nhận đất quản lý sử dụng, đầu tư cải tạo, xây cất nhà, trồng cây lâu năm trên đất nhưng phía nguyên đơn cũng không có ý kiến gì. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hợp đồng chuyển nhượng được công nhận. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Chí L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét kháng cáo của bà Phạm Chí L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp là đất của ông Phạm Hoàng L3 (là cha của bà L). Năm 1993, ông L3 tặng cho bà L phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 69, diện tích 10.500 m<sup>2</sup>; ông L3 tặng cho ông Phạm Chí N1 phần đất thuộc thửa số 70 diện tích 10.500 m<sup>2</sup>; diện tích đất còn lại của ông L3 thuộc thửa số 71 diện tích 20.500 m<sup>2</sup>. Đến ngày 25/4/1996, ông Phạm Chí N1 và bà Dương Thị T3 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị P. Theo giấy sang nhượng đất ngày 25/4/1996 âm lịch, thể hiện ông Phạm Chí N1, bà Dương Thị T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Thị P phần đất diện tích 04 công (tầm 03 mét), có chữ ký của ông L3, có nội dung thể hiện ông L3 đồng ý cho ông Phạm Chí N1 bán 04 công (tầm 03 mét), có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P. Đến ngày 11/8/1998 âm lịch, ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Thị P chuyển nhượng lại phần đất của ông Nguyễn Minh T1, Nguyễn Thị P nhận chuyển nhượng đất từ ông Phạm Chí N1, bà Dương Thị T3 cho Nguyễn Văn L1, bà Ca Thị S có làm giấy sang nhượng và có xác nhận của ông Đặng Hoàng S1, là Phó ban nhân dân ấp và có người chứng kiến. Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông L1, bà S đã canh tác ổn định cho đến năm 2018 thì mới phát sinh tranh chấp với bà Phạm Chí L.

[2] Xét thấy, phần đất tranh chấp theo đo đạc thể hiện một phần thuộc quyền sử dụng đất của ông N1, một phần thuộc quyền sử dụng đất của ông L3; bà L cho rằng bà đã đổi đất với ông N1 và đất của ông L3 đã ủy quyền lại cho bà, ông N1 chuyển nhượng đất cho ông T1 bà và ông L3 không biết và không có ký tên. Tuy nhiên, việc đổi đất giữa bà L và ông N1 do bà trình bày không lập văn bản, chưa thực hiện việc làm thủ tục theo quy định nên việc ông N1 chuyển nhượng đất của ông N1 do ông N1 đứng tên là phù hợp với quy định, ông N1 cũng đã nhận tiền chuyển nhượng và giao đất cho ông T1, bà P; mặc dù hợp đồng vi phạm về hình thức nhưng vẫn đủ điều kiện để công nhận hợp đồng theo quy định. Đối với phần đất của ông L3, ông N1 chuyển nhượng cho ông T1 theo giấy sang nhượng đất ngày 25/4/1996 (âm lịch) thể hiện ông Phạm Chí N1, bà Dương Thị T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Thị P phần đất diện tích 04 công (tầm 03 mét), có chữ ký của ông Phạm Hoàng L3 có nội dung thể hiện ông Phạm Hoàng L3 đồng ý cho ông Phạm Chí N1 bán 04 công (tầm 03 mét) có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P như vậy ông L3 đã đồng ý cho ông N1 chuyển nhượng đất cho ông T1. Mặc khác tại phiên tòa bà L xác định năm 2018 bà có yêu cầu ban N2 yêu cầu ông L1 trả lại 1 góc 4 đất (bà lanh cho rằng diện tích thừa so với diện tích chuyển nhượng 04 công) nhưng ông L1 không đồng ý. Như vậy bà L biết việc ông N1 chuyển nhượng đất nêu trên nhưng không tranh chấp với ông L1 phần đất ông N1 đã chuyển nhượng. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 26/7/2024, bà L cũng trình bày khi ông N1 chuyển nhượng đất cho ông T1, bà L biết.

[3] Mặt khác, ông N1 và bà T3 chuyển nhượng đất cho ông T1 và bà P và ngày 25/4/1996; ông T1 và bà P chuyển nhượng lại phần đất cho ông L1 và bà S ngày 11/8/1998; còn ông L3 ủy quyền cho bà L quản lý sử dụng phần đất của ông L3 là ngày 15/8/1998, tức là sau khi ông N1 và bà T3 chuyển nhượng cho ông T1 và bà P, ông T1 và bà P chuyển nhượng lại cho ông L1 và bà S.

[4] Ông L1 và bà S đã quản lý đất từ năm 1998, quá trình canh tác ông L1, bà S đã đầu tư cải tạo đất, trồng cây lâu năm, xây cất nhà trên phần đất nhưng khi ông L3 còn sống đến khi chết năm 2014 ông L3 không có ý kiến phản đối; bà L và các anh chị em của bà L cũng không có ý kiến gì. Mặc dù, hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Phạm Chí N1, bà Dương Thị T3 với ông Nguyễn Minh T1, Nguyễn Thị P; giữa ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Thị P với ông Nguyễn Văn L1, bà Ca Thị S có vi phạm về hình thức của hợp đồng, nhưng đối chiếu với hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Tòa án nhân dân tối cao thì hợp đồng được công nhận.

[5] Từ nhận định nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ. Đối với ý kiến tranh luận của người đại diện của bà L yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà Phạm Chí L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm bà L phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Chí L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 158/2024/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Chí L, ông Phạm Chí N1, ông Phạm Minh K, bà Phạm Thị N, bà Phạm Xuân E, bà Phạm Thị Minh T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Chí N1, bà Dương Thị T3 với ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Thị P; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Thị P với ông Nguyễn Văn L1, bà Ca Thị S vô hiệu và buộc ông Nguyễn Văn L1, bà Ca Thị S, ông Nguyễn Văn H1, bà Trương Thị L2 dỡ di dời nhà, công trình, cây trồng, hoa màu trên đất để trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 4.284,7m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Chí L, ông Phạm Chí N1, ông Phạm Minh K, bà Phạm Thị N, bà Phạm Xuân E, bà Phạm Thị Minh T phải chịu chi phí đo đạc, định giá số tiền 24.513.100 đồng (đã nộp xong).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Chí L, ông Phạm Chí N1, ông Phạm Minh K, bà Phạm Thị N, bà Phạm Xuân E, bà Phạm Thị Minh T phải chịu 14.996.450 đồng. Bà Phạm Chí L đã dự nộp 3.443.000 đồng tại biên lai thu số 00117602 ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, đối trừ còn phải nộp tiếp 11.553.450 đồng. Ông L1, bà S không phải chịu án phí.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Chí L phải chịu là 300.000 đồng. Ngày 08/8/2024, bà Phạm Chí L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003783 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**